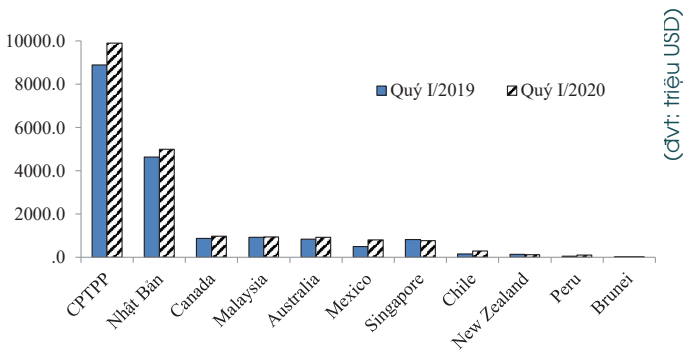


Tình hình xuất nhập khẩu với từng nước CPTPP

Xuất khẩu

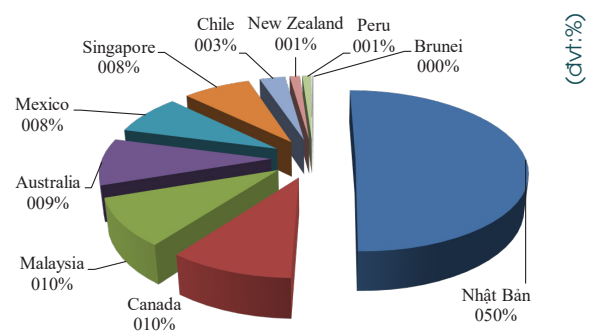
Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020 đạt 9,8 tỷ USD, tăng 11,3% so với quý I/2019. Trong đó, xuất sang Nhật Bản chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng một nửa của tổng xuất khẩu sang khối thị trường này (50,41%); theo sau là: Canada, Malaysia và Australia.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020 và quý I/2019



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong khối các nước thành viên CPTPP quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 1: Danh sách các mặt hàng chính xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Mặt hàng	KNKK quý I/2020 (triệu USD)	So với quý I/2019 (%)	Tỷ trọng so với tổng KNKK sang CPTPP (%)
Tổng XK sang CPTPP	9.895.994.196	11,33	100
Điện thoại các loại và linh kiện	1.272,34	58,00	12,86
Hàng dệt, may	1.238,80	2,21	12,52
Phương tiện vận tải và phụ tùng	958,14	-3,30	9,68
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	877,52	8,09	8,87
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	835,50	11,48	8,44
Giày dép các loại	551,86	4,93	5,58
Hàng thủy sản	485,02	-3,79	4,90
Gỗ và sản phẩm gỗ	433,00	5,43	4,38
Dầu thô	243,25	96,42	2,46
Sản phẩm từ chất dẻo	216,16	-3,49	2,18
Sản phẩm từ sắt thép	186,44	20,66	1,88
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	158,40	11,59	1,60
Sắt thép các loại	154,16	0,43	1,56
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	141,14	-3,93	1,43
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	127,80	41,88	1,29
Hóa chất	103,06	-3,78	1,04
Dây điện và dây cáp điện	100,93	3,69	1,02

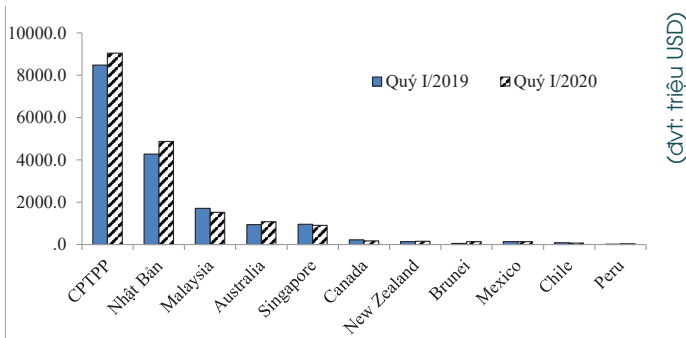
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu

Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020 đạt hơn 9 tỷ USD, tăng 6,68% so với quý I/2019. Trong đó, nhập khẩu từ Nhật Bản chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm 53,87%); từ Malaysia chiếm 16,78% và thứ ba là từ Australia chiếm 11,89%.

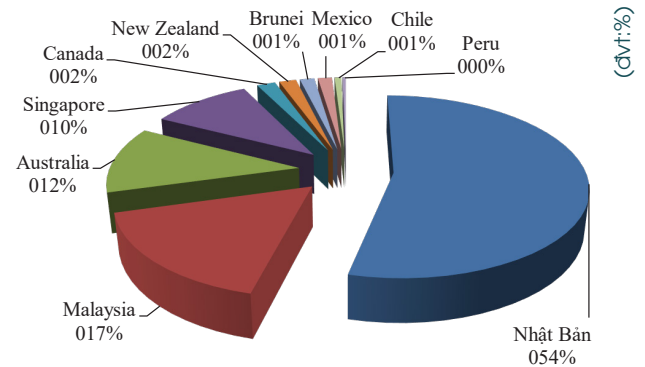
Như vậy trong quý I/2020, nước ta xuất siêu nhẹ sang khối các thị trường CPTPP (khoảng 841,85 triệu USD)

Biểu đồ 3: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 4: Cơ cấu thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong khối các nước thành viên CPTPP quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Danh sách các mặt hàng chính nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Mặt hàng	KNNK quý I/2020 (triệu USD)	So với quý I/2019 (%)	Tỷ trọng so với tổng KNNK từ CPTPP (%)
Tổng NK từ CPTPP	9.054,15	6,68	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.516,21	41,73	27,79
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.254,06	-1,08	24,90
Than các loại	787,67	16,07	8,70
Sắt thép các loại	721,86	16,04	7,97
Phế liệu sắt thép	490,39	56,14	5,42
Kim loại thường khác	388,75	-5,15	4,29
Sản phẩm từ chất dẻo	376,55	8.582,19	4,16
Vải các loại	346,93	99,34	3,83
Linh kiện, phụ tùng ô tô	327,38	-14,76	3,62
Quặng và khoáng sản khác	294,26	13,55	3,25
Sản phẩm hóa chất	283,72	164,14	3,13
Hóa chất	253,73	142,31	2,80
Chất dẻo nguyên liệu	253,35	1,24	2,80
Sản phẩm từ sắt thép	242,54	-6,33	2,68
Lúa mì	168,41	46,86	1,86
Dầu thô	156,26	*	1,73
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	127,35	61,99	1,41
Hàng thủy sản	118,29	180,77	1,31
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	102,22	111,90	1,13

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

2

Tình hình xuất nhập khẩu theo mặt hàng với từng nước CPTPP

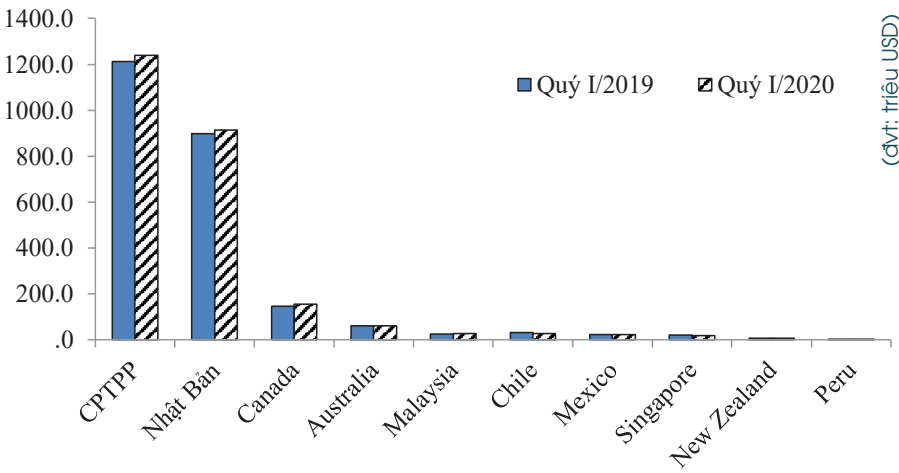
Dệt may

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may trong quý I/2020, đạt 7,03 tỷ USD, giảm 1,31% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang một số nước trong khối CPTPP, đạt 1,2 tỷ USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 3: Xuất khẩu một số chủng loại mặt hàng dệt may và nguyên phụ liệu của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Chủng loại	Trị giá xuất khẩu (Triệu USD)
Quần các loại	151.314.915
Áo các loại	148.017.345
Khăn các loại	76.806.528
Quần áo thun	73.754.041
Áo sơ mi	59.459.332
Áo khoác	54.811.388
Đồ lót	53.310.917
Áo Jacket	51.949.274
Váy	32.415.642
Màn, rèm, thảm	31.845.151
Vải	30.630.410

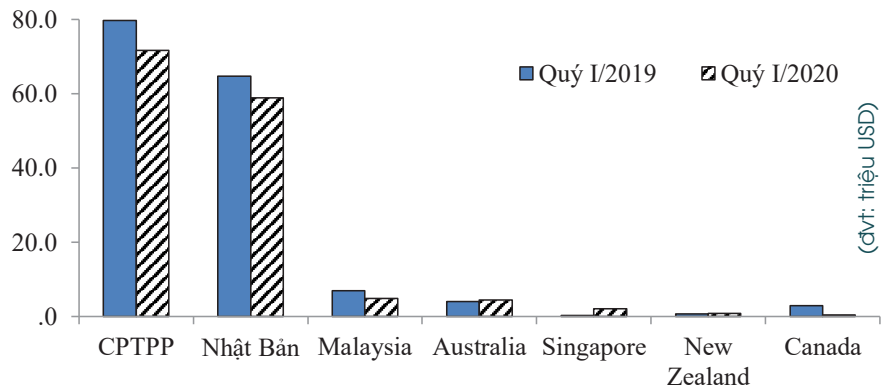
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Biểu đồ 5: Xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang một số nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 6: Nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày của Việt Nam từ một số nước thành viên CPTPP trong quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

3

Báo cáo phân tích chuyên sâu chủ động truyền thông về tình hình và nhu cầu hợp tác sản xuất, đầu tư, công nghệ, giao thương của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP quý I/2020

Da giày

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép các loại của Việt Nam trong quý I/2020 đạt 4,1 tỷ USD, tăng 5,64% so với quý I/2019. Trong đó, xuất khẩu sang khối CPTPP đạt 551,8 triệu USD, tăng 4,93% so với quý I/2019.

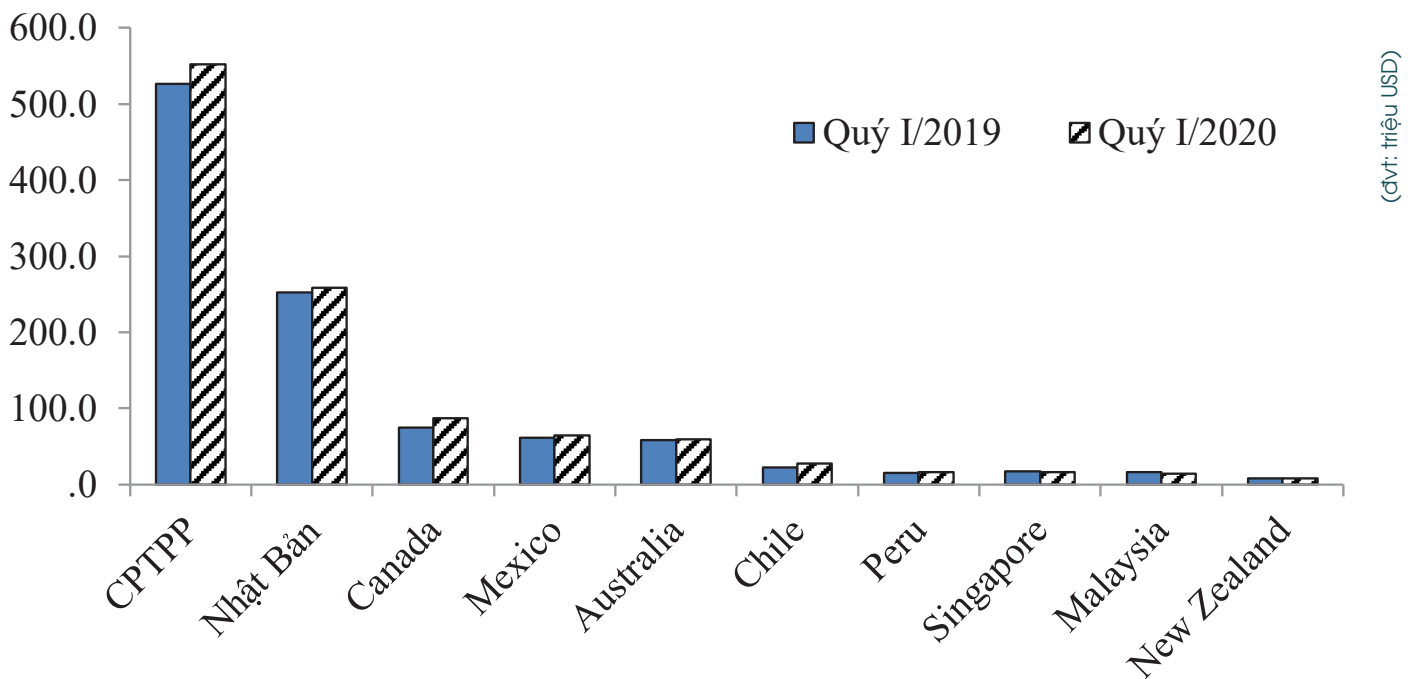
Bảng 4: Xuất khẩu một số chủng loại giày dép của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Chủng loại	Trị giá xuất khẩu (đvt: USD)
Giày mũ nguyên liệu dệt	234.789.233
Giày thể thao	132.924.807
Giày da thuộc hoặc da tổng hợp	119.635.580
Xăng đan và dép	45.665.464
Đệm, lót và phụ kiện khác	3.218.655
Giày, dép trẻ em	3.070.395
Giày bảo hộ	1.285.576
Khác	1.185.589

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Ngành da giày trong quý II/2020 sẽ chịu tác động mạnh hơn do dịch Covid-19 chưa có dấu hiệu được kiểm soát tại các thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ và EU. Tuy nhiên, với việc chuyển đổi cơ cấu mặt hàng và nguồn cung vật tư được nối lại, nhiều khả năng sản xuất của ngành sẽ được cải thiện kể từ cuối quý II/2020, đầu quý III/2020.

Biểu đồ 7: Xuất khẩu mặt hàng giày dép các loại của Việt Nam sang một số nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

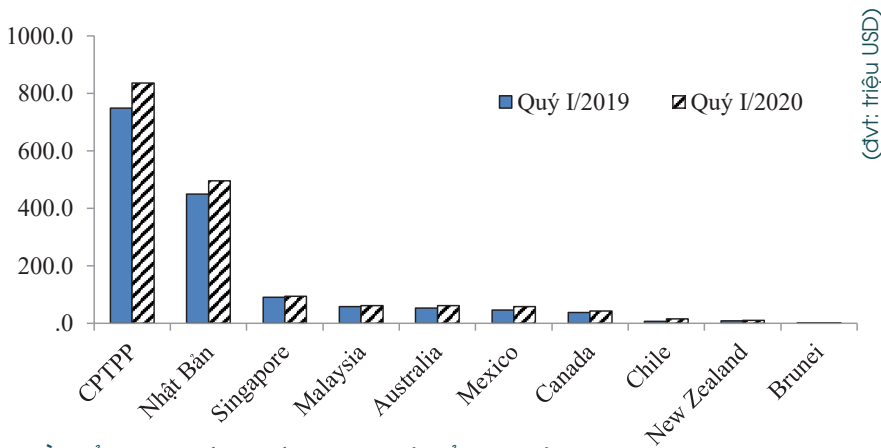


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ khí

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác của Việt Nam đạt trên 5 tỷ USD, tăng 28,07% so với quý I/2019. Trong đó, xuất khẩu mặt hàng này sang khối CPTPP đạt gần 835,5 triệu USD, tăng 11,48% so với quý I/2019 và chiếm 16,39% tổng KNXK nhóm hàng này của cả nước.

Biểu đồ 8: Xuất khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác của Việt Nam sang một số nước thành viên CPTPP trong quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Nhập khẩu một số chủng loại máy móc thiết bị của Việt Nam từ các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Chủng loại	Trị giá xuất khẩu (USD)
Thiết bị điện để đóng ngắt mạch	177.384.049
Thiết bị và phụ kiện cơ khí	58.904.763
Máy khâu các loại	32.724.023
Hộp khuôn đúc kim loại	20.259.654
Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic	19.452.620
Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay	5.312.586
Máy nông nghiệp các loại	4.098.699
Đệm và gioăng làm bằng kim loại	3.694.238
Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đay sợi hoặc máy xe sợi	2.099.559
Máy chế biến công nghiệp sản xuất thực phẩm, đồ uống	1.664.826
Máy ép đùn	1.240.304
Máy dùng để sơ chế, thuộc da	61.331
Máy ép, máy nghiền	57.349
Máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt	34.214

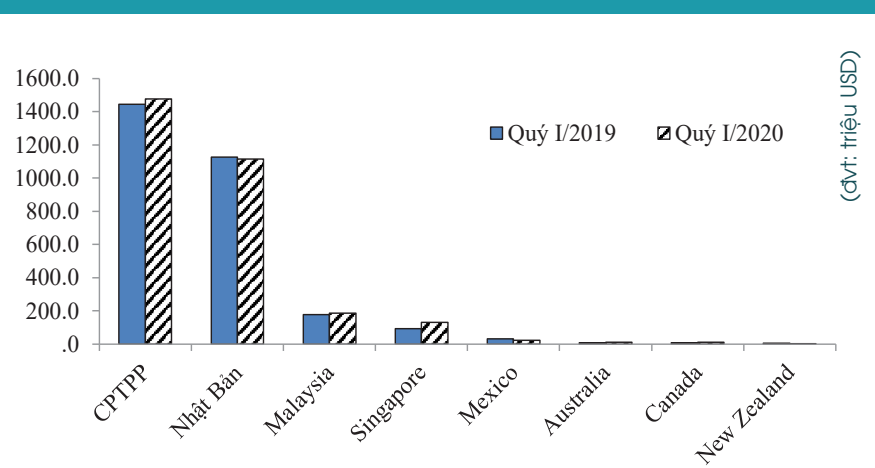
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu một số chủng loại máy móc thiết bị của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong quý I/2020

Chủng loại	Trị giá xuất khẩu (USD)
Thiết bị điện để đóng ngắt mạch	46.942.361
Máy khâu các loại	19.708.980
Thiết bị và phụ kiện cơ khí	6.878.246
Hộp khuôn đúc kim loại	2.620.432
Máy nông nghiệp các loại	2.311.473
Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay	1.682.971
Đệm và gioăng làm bằng kim loại	1.144.702
Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic	759.257
Máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt	63.086
Máy dùng để sơ chế, thuộc da	10.801
Máy ép, máy nghiền	6.247
Máy chế biến công nghiệp sản xuất thực phẩm, đồ uống	4.336

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 9: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác của Việt Nam từ một số nước thành viên CPTPP trong quý I năm 2020



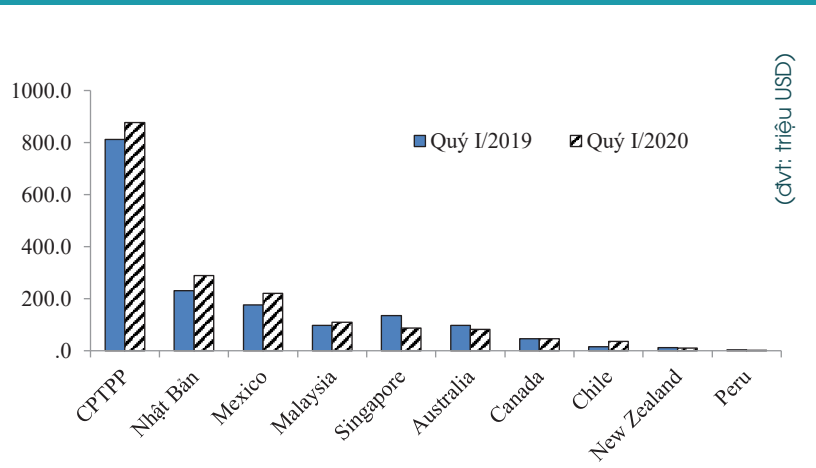
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Điện tử

Xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử trong quý I/2020, đạt 9,08 tỷ USD, tăng 27,54% so với cùng kỳ năm trước và chiếm trên 14,36% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta. Trong đó, xuất khẩu mặt hàng này sang một số nước trong khối CPTPP, đạt 875,6 triệu USD, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Biểu đồ 10: Xuất khẩu mặt hàng điện tử của Việt Nam sang một số nước thành viên CPTPP trong quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu một số chủng loại mặt hàng điện tử của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong quý I /2020

Chủng loại	Trị giá xuất khẩu (Triệu USD)
Bộ vi xử lý	87.559.702
Máy in, máy photocopy và LK	68.334.936
Đi ốt - thiết bị bán dẫn	63.781.384
Tivi	35.253.158
Vi mạch tích hợp	31.866.124
Mạch các loại	25.785.474
Thiết bị âm thanh	19.331.222
Máy tính xách tay, máy tính bảng	18.922.536
Camera - máy ảnh và linh kiện	16.990.985
Bộ nhớ	14.832.027

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu

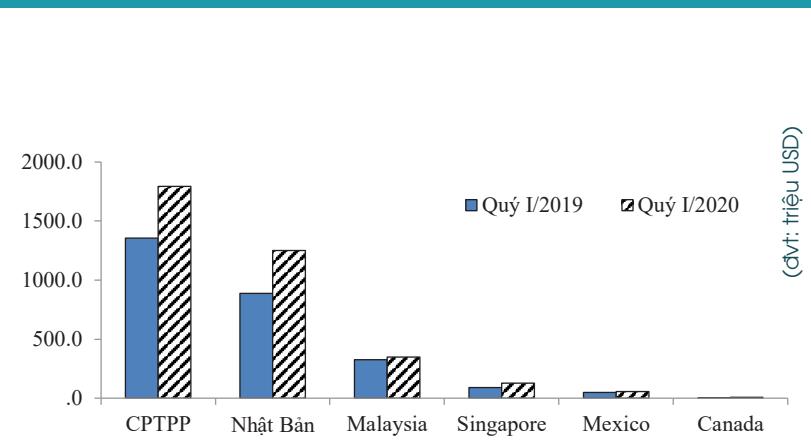
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan, quý I/2020, kim ngạch nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt 13,75 tỷ USD, tăng 16,67% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 23,12% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, các thị trường trong khối CPTPP đạt 1,79 tỷ USD, tăng 32,4% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 13% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước.

Bảng 8: Nhập khẩu một số chủng loại mặt hàng điện tử từ các nước thành viên CPTPP vào Việt Nam trong quý I/2020

Chủng loại	Trị giá nhập khẩu (Triệu USD)
Bộ vi xử lý	1.685.966.982
Vi mạch tích hợp	1.253.487.849
Máy in, máy photocopy và LK	344.229.698
Đi ốt - thiết bị bán dẫn	326.076.644
Camera - máy ảnh và linh kiện	150.673.177
Chuột máy tính	130.675.383
Mạch các loại	72.542.098
Thiết bị âm thanh	69.306.835
Bộ nhớ	54.506.075
Tụ các loại	51.548.637
Bo mạch	50.143.594

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 11: Nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử từ một số thị trường thành viên CPTPP vào Việt Nam trong quý I/2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Top 10 địa phương về sản xuất theo ngành hàng

Dệt may

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp ngành dệt may quý I/2020 tăng 4,9%, thấp hơn so với mức tăng 10,2% của cùng kỳ năm 2019. Chỉ số sản xuất trang phục giảm 3%, so với mức tăng 10,3% trong cùng kỳ năm 2019, sản lượng quần áo mặc thường ước đạt 1.046,2 triệu chiếc, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2019. Trong quý I/2020, dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc, sau đó lan ra nhiều nước đã gây khó khăn không nhỏ cho ngành dệt may. Nhập khẩu nguyên liệu gặp nhiều khó khăn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhiều doanh nghiệp.

Top 10 địa phương có thể mạnh về sản xuất, tiêu thụ ngành điện tử là: Đồng Nai, Bình Dương, Hồ Chí Minh, Long An, Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh, Tây Ninh, Nam Định, Bắc Giang.

Bảng 9: Sản xuất sản dệt may của một số địa phương quý I/2020

Tỉnh/Thành phố	Chủng loại	ĐVT	Sản lượng Q1/2020
Đồng Nai	Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	17.877
	Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	316.935
	Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	13.382
	Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	44.330
	Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m2	6.085
	Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	9.340
	Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m2	104.874
	Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	420
	Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	5.457
	Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	5.381
Bình Dương	Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	7.516
	Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	2.644
	Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	11.025
	Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	3.630
	Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	5.598
	Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1000 cái	101.088
	Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	137.530
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	3.171	

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê

Da giày

Top 10 địa phương sản xuất trong ngành da giày là: Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM, Thanh Hóa, Tây Ninh, TP. Hải Phòng, Vĩnh Long, Long An, Hải Dương, Tiền Giang.

Bảng 10: Sản lượng giày dép của một số địa phương trong quý I/2020

Tỉnh/Thành phố	Chủng loại sản phẩm	ĐVT	Sản lượng quý I/2020
Đồng Nai	Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1.000 đôi	51.350
	Giày, dép có đế hoặc mũ bằng da	1.000 cái	38.626
	Giày, dép thể thao có đế ngoài và mũ giày bằng cao su và plastic	1.000 đôi	15.385
Bình Dương	Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1.000 đôi	26.179
TP. Hồ Chí Minh	Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1.000 đôi	24.590

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê

Bảng 11: Sản lượng máy móc, thiết bị của một số địa phương trong quý I/2020

Tỉnh/Thành phố	Chủng loại sản phẩm	ĐVT	Sản lượng quý I/2020
Đồng Nai	Động cơ điện một chiều khác và máy phát điện một chiều	Cái	116.682.927
	Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	Cái	631.981
	Máy và thiết bị cơ khí khác có chức năng riêng biệt chưa được phân vào đâu	Cái	5.818
	Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng công suất sử dụng không quá 650 KVA	Cái	5.185
TP Đà Nẵng	Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	Cái	65.447.806
TP Hồ Chí Minh	Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	Cái	32.438.691
	Máy và thiết bị cơ khí khác có chức năng riêng biệt chưa được phân vào đâu	Cái	186.098
	Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA nhưng ≤ 500 kVA	Cái	355

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê

Cơ khí

Top 10 địa phương có thể mạnh về sản xuất, tiêu thụ ngành cơ khí trong quý I/2020 gồm có: Đồng Nai, TP Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, TP Hà Nội, Bình Dương, Long An, Bắc Ninh, Khánh Hòa, TP. Hải Phòng, Bình Định.

Điện tử

Top 10 địa phương có thể mạnh về sản xuất, tiêu thụ ngành điện tử là: Bình Dương, Phú Thọ, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương và Trà Vinh.

Bảng 12: Sản xuất điện tử của một số địa phương trong quý I/2020

Tỉnh/Thành phố	Chủng loại	ĐVT	Sản lượng
Bình Dương	Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Cái	38.895.970
	Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đâu	Kg	478.719
	Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Triệu đồng	730.056
	Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	3.310
	Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Triệu đồng	1.616.808
Nghệ An	Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	31.315.217
	Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	299
Phú Thọ	Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Cái	21.845.122
	Tai nghe không nối với micro	Cái	13.358.604
	Ắc quy điện bằng axit - chì dùng để khởi động động cơ pittông	1000 Kwh	4

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê

Top các doanh nghiệp xuất khẩu nhiều nhất trong một số ngành sang các thị trường CPTPP, quý I/2020

Dệt may

Bảng 13: Danh sách một số công ty tiêu biểu xuất khẩu dệt may khác sang các thị trường trong khối CPTPP

STT	Công ty xuất khẩu
1	Công Ty TNHH May Tinh Lợi
2	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hyosung Việt Nam
3	Công Ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam
4	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu Lưỡi An Toàn
5	Công Ty TNHH Worldon (Việt Nam)
6	Công Ty TNHH Peony
7	Công Ty TNHH Sakura Việt Nam
8	Tổng Công Ty Cổ Phần Dệt May Hòa Thọ
9	Tổng Công Ty Cổ Phần May Việt Tiến
10	Công Ty TNHH May Phú Long

Da giày

STT	Tên công ty xuất khẩu
1	Công Ty TNHH Pouyuen Việt Nam
2	Công Ty TNHH Pungkook Sài Gòn li
3	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hwaseung Vina
4	Công Ty Cp Tae Kwang Vina Industrial
5	Công Ty Chang Shin Việt Nam TNHH
6	Công Ty TNHH Giày Annora Việt Nam
7	Công Ty Cổ Phần Giày Da Huế Phong
8	Công Ty TNHH Giày Dona Standard Việt Nam
9	Công Ty TNHH Giày Adora Việt Nam
10	Công Ty TNHH Việt Nam Samho

Bảng 14: Danh sách một số công ty tiêu biểu xuất khẩu da giày sang các thị trường trong khối CPTPP

Bảng 15: Danh sách một số công ty tiêu biểu xuất khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng khác sang các thị trường trong khối CPTPP

STT	Tên công ty xuất khẩu
1	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Rorze Robotech
2	Công Ty TNHH Schneider Electric Manufacturing Việt Nam
3	Công Ty TNHH Juki Việt Nam
4	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Pepperl+Fuchs (Việt Nam)
5	Công Ty TNHH Điện Tử Iriso Việt Nam
6	Công Ty TNHH Kyocera Việt Nam
7	Công Ty TNHH Zeng Hsing Industrial
8	Công Ty TNHH Máy Brother Việt Nam
9	Công Ty TNHH Kyokuto Việt Nam
10	Cty TNHH Cn Tempearl (Việt Nam)

Cơ khí

Điện tử

STT	Tên công ty xuất khẩu
1	Cty TNHH Intel Products Việt Nam
2	Cty TNHH điện tử SAMSUNG HCMC CE COMPLEX
3	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên
4	Công ty TNHH công nghiệp BROTHER Việt Nam
5	Công ty TNHH SAMSUNG DISPLAY Việt Nam
6	Công Ty TNHH Lg Display Việt Nam Hải Phòng
7	Cty TNHH ON SEMICONDUCTOR Việt Nam
8	Công ty TNHH Thiết Bị Tân Tiến SUMIDEN Việt Nam
9	Công ty TNHH Vina Solar Technology
10	Cty TNHH FUJI XEROX Hải Phòng

Bảng 16: Danh sách một số công ty tiêu biểu xuất khẩu điện tử sang các thị trường trong khối CPTPP